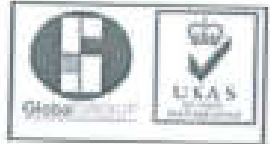




CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Trụ sở chính : 26 Tân Viên, P. Thượng Lý, Q. Hồng Bàng, TP. Hải Phòng
Nhà máy : Km 35, quốc lộ 10, xã Quốc Tuấn, huyện An Lão, TP. Hải Phòng
Tel : +84.225.3525195 Fax : +84.225.3824562
Email : info@lilama69-2.com.vn Web : www.lilama69-2.com.vn



Số: 06/CBTT- 2022

Hải Phòng, ngày 30 tháng 3 năm 2022

**Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

1. Tên Công ty: Công ty cổ phần Lilama 69-2

2. Mã chứng khoán: L62

3. Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, P. Thượng Lý, Q. Hồng Bàng, TP. Hải Phòng

4. Điện thoại: 02253.525 195 Fax: 02253.824 562

5. Người thực hiện công bố thông tin: Bà Trần Thị Hương – Kế toán trưởng Công ty

6. Nội dung của thông tin công bố:

Báo cáo tài chính riêng năm 2021 sau kiểm toán, báo cáo tài chính tổng hợp năm 2021 sau kiểm toán của Công ty Cổ phần Lilama 69-2 bao gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

7. Địa chỉ Website đăng tải: <http://www.lilama69-2.com.vn>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Trân trọng!

NGƯỜI ĐƯỢC UỶ QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN



Trần Thị Hương

Nơi nhận:

- Như k gửi,
- Lưu.

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

MỤC LỤC

STT	NỘI DUNG	Trang
1	Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
2	Báo cáo kiểm toán độc lập	5
3	Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	
	<i>Bảng cân đối kế toán riêng</i>	6 - 7
	<i>Báo cáo kết quả hoạt động riêng</i>	8
	<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng</i>	9
	<i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng</i>	10 - 36

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Lilama 69-2 trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần LILAMA 69.2 được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước tiền thân là Công ty lắp máy và xây dựng 69.2. Công ty hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0200155547 đăng ký thay đổi lần 7 ngày 29 tháng 12 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp.

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0200155547 ngày 29/12/2017, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là hoạt động xây lắp.

Trụ sở chính của Công ty tại số 26 phố Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

2. Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm 2021 và cho đến ngày lập báo cáo này gồm:

Các thành viên của Hội đồng quản trị bao gồm

Ông Vũ Kế Chương	Chủ tịch hội đồng quản trị
Ông Trương Đức Thành	Thành viên hội đồng quản trị
Ông Vũ Xuân Dũng	Thành viên hội đồng quản trị
Ông Trần Xuân Trường	Thành viên hội đồng quản trị
Bà Lê Thị Minh	Thành viên hội đồng quản trị

Các thành viên Ban kiểm soát bao gồm

Bà Vũ Thị Nga	Kiểm soát viên
Ông Nguyễn Trung Hiếu	Kiểm soát viên

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc bao gồm

Ông Vũ Kế Chương	Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Xuân Trường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Giám Hiếu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trương Đức Thành	Phó Tổng Giám đốc
Nguyễn Quang Vinh	Phó Tổng Giám đốc

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là ông Vũ Kế Chương, chức vụ Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc.

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính riêng đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính riêng.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - chi nhánh Phía Bắc được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính riêng

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nếu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng.
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

7. Phê duyệt các báo cáo tài chính riêng

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính riêng đính kèm. Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và các luồng lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Vũ Kế Chương
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 28 tháng 3 năm 2022



Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam
AFC Vietnam Auditing Co., Ltd.

Thành viên tập đoàn PKF Quốc tế
Member firm of PKF International



Số: 074A/2022/BCKTR-PB.00081

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Lilama 69-2

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Lilama 69-2 (sau đây gọi là "Công ty"), được lập ngày 28 tháng 3 năm 2022, từ trang 6 đến trang 36, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31/12/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính riêng của Công ty cổ phần Lilama 69-2 tại ngày 31/12/2021, cũng như kết quả kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.



ÔNG THẾ ĐỨC

Giám đốc

Giấy CNDKHNKT số 0855-2018-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM

- CHI NHÁNH PHÍA BẮC

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2022

ĐẶNG NGỌC KHÁNH

Kiểm toán viên

Giấy CNDKHNKT số 2505-2019-009-1

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		494.552.411.353	491.014.465.259
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	511.085.147	7.495.070.935
1. Tiền	111		511.085.147	7.495.070.935
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		291.983.449.244	263.574.051.335
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	203.164.938.161	196.689.162.615
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	41.891.217.800	24.730.800.157
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	53.783.732.473	49.010.527.753
4. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(6.856.439.190)	(6.856.439.190)
IV. Hàng tồn kho	140		201.925.545.575	219.476.580.635
1. Hàng tồn kho	141	5.6	201.925.545.575	219.476.580.635
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		132.331.387	468.762.354
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	132.331.387	146.419.476
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	322.342.878
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		94.034.278.527	105.692.251.176
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.487.974.965	2.516.064.507
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.4	2.487.974.965	2.516.064.507
II. Tài sản cố định	220		81.256.629.087	92.060.329.841
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	76.833.335.494	85.339.883.452
- Nguyên giá	222		179.951.204.069	181.396.226.003
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(103.117.868.575)	(96.056.342.551)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	5.10	3.611.843.280	5.814.458.280
- Nguyên giá	225		6.734.410.019	6.734.410.019
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(3.122.566.739)	(919.951.739)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.8	811.450.313	905.988.209
- Nguyên giá	228		1.881.110.846	1.881.110.846
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.069.660.533)	(975.122.637)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	5.11	5.250.043.801	4.670.186.713
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		5.250.043.801	4.670.186.713
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.12	-	1.020.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	1.020.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		5.039.630.674	5.425.670.015
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	5.039.630.674	5.425.670.015
TỔNG TÀI SẢN	270		588.586.689.880	596.706.716.435

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		482.917.861.822	487.429.816.726
I. Nợ ngắn hạn	310		479.838.844.858	477.368.607.669
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	98.419.532.970	140.150.459.428
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.15	49.728.912.911	41.471.199.171
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	11.372.964.410	6.749.602.101
4. Phải trả người lao động	314		395.954.850	50.763.820
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.16	10.963.207.062	14.395.179.892
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		22.306.454	22.306.454
7. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	570.000.000
8. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.17	27.548.677.895	20.679.131.757
9. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.18	280.217.190.896	252.053.767.636
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.170.097.410	1.226.197.410
II. Nợ dài hạn	330		3.079.016.764	10.061.209.057
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.18	3.079.016.764	10.061.209.057
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		105.668.828.258	109.276.899.709
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.19	105.668.828.258	109.276.899.709
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		82.982.430.000	82.982.430.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		82.982.430.000	82.982.430.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		36.462.273	36.462.273
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		19.854.216.596	19.854.216.596
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		3.333.125.863	3.333.125.863
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(537.406.474)	3.070.864.977
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		2.539.924.977	2.458.293.152
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(3.077.331.451)	612.371.825
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG NGUỒN VỐN	440		588.586.689.880	596.706.716.435



Vũ Kế Chương
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 28 tháng 3 năm 2022

Trần Thị Hương
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Đạt
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	201.487.657.136	313.216.527.215
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		201.487.657.136	313.216.527.215
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	170.295.427.507	270.220.256.810
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		31.192.229.629	42.996.270.405
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	27.228.574	55.784.115
7. Chi phí tài chính	22	6.4	27.747.985.618	28.095.700.963
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		27.452.667.984	28.053.339.734
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	9.463.775.954	14.444.849.593
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(5.992.303.369)	511.503.964
11. Thu nhập khác	31	6.6	3.019.567.063	2.755.152.566
12. Chi phí khác	32	6.7	104.595.145	2.457.230.205
13. Lợi nhuận khác	40		2.914.971.918	297.922.361
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(3.077.331.451)	809.426.325
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	-	196.915.787
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(3.077.331.451)	612.510.538
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9	(371)	74
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	6.9	(371)	74



Vũ Kế Chương
Tổng Giám đốc
Hải Phòng, ngày 28 tháng 3 năm 2022

Trần Thị Hương
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Đạt
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 20 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Theo phương pháp trực tiếp

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Chi tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
		VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1	200.079.375.230	282.248.397.243
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2	(208.969.777.965)	(226.889.971.388)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3	(16.737.167.698)	(37.492.420.919)
4. Tiền lãi vay đã trả	4	(26.742.313.343)	(29.845.170.850)
5. Thuế Thu nhập doanh nghiệp đã nộp	5	-	(200.000.000)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	51.592.304.577	26.999.154.113
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7	(28.528.455.136)	(4.115.690.005)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(28.306.034.335)	10.704.298.214
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(258.207.000)	(9.527.025.248)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	895.000.000	7.407.851.020
3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	1.020.000.000	-
4. Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	24.588.574	35.842.895
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	1.681.381.574	(2.083.331.333)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	82.418.731.425	125.115.617.027
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(58.796.680.330)	(124.745.789.602)
4. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(2.440.820.128)	(3.931.171.935)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(530.740.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	20.650.490.967	(3.561.344.510)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(6.974.161.794)	5.059.622.371
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	7.495.070.935	2.445.272.558
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(9.823.894)	(9.823.894)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	511.085.147	7.495.070.935



Vũ Kế Chương
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 28 tháng 3 năm 2022

Trần Thị Hương
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Đạt
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đặc điểm hoạt động

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần LILAMA 69.2 được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước tiền thân là Công ty lắp máy và xây dựng 69.2. Công ty hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0200155547 đăng ký thay đổi lần 7 ngày 29 tháng 12 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại số 26 phố Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty là 82.982.430.000 đồng, tổng số cổ phần là 8.298.243 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

1.2 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo đăng ký là:

- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Lắp đặt hệ thống cấp nước, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; Bán buôn xi măng, bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại; Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Bán buôn sắt, thép;
- Rèn, dập, ép và cán kim loại, bột kim loại;
- Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng, vận tải đường ống;
- Cho thuê máy móc thiết bị nông, lâm nghiệp; cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng; Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng; Cho thuê xe có động cơ;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Xây dựng công trình công nghiệp, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật, khu công nghiệp;
- Thi công, lắp đặt đường dây và trạm biến áp đến 220KV; Xây dựng công trình giao thông;
- Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại; Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy; Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại; sơn mạ thiết bị kết cấu thép;

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

- Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng; Trang trí nội, ngoại thất công trình; Xây dựng nhà các loại;
- Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp; Sản xuất máy móc, thiết bị lọc bụi; Lắp đặt hệ thống điện;
- Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị, thiết bị điện tử và quang học; Sửa chữa thiết bị điện;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe cộ động cơ khác);
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ; Bốc xếp hàng hóa;

1.3 Cấu trúc của Công ty

Tại ngày 31/12/2021, 01 chi nhánh hạch toán độc lập, cụ thể:

<i>Tên Đơn vị</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Hoạt động kinh doanh chính</i>
Chi nhánh Công ty CP Lilama 69-2 – Xí nghiệp lắp máy và xuất nhập khẩu	Chi nhánh hạch toán độc lập	Quận Hồng Bàng - thành phố Hải Phòng	Xây lắp

2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

3.1 Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, các thông tư về việc hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quyết định ban hành chuẩn mực kế toán Việt Nam, các thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành có hiệu lực đến thời điểm kết thúc niên độ kế toán lập báo cáo tài chính năm.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán:

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. Các chính sách kế toán áp dụng

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền, các khoản kỳ cược, kỳ quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung hoặc chi phí liên quan khác, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất...) của hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

4.5 Các khoản phải thu và dự phòng nợ phải thu khó đòi

Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn.

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra cụ thể như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán thực hiện theo đúng hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính cụ thể như sau:

+ 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.

+ 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.

+ 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.

+ 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: Căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

4.6 Tài sản cố định và hao mòn

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao áp dụng theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của Công ty. Đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó.

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn.

Chi phí trả trước dài hạn là chi phí phân bổ công cụ dụng cụ có giá trị lớn, giá trị còn lại của những tài sản cố nguyên giá dưới 30 triệu theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25/04/2013. Các chi phí này phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng. Thời gian phân bổ theo quy định hiện hành.

4.8 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.

- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

Chi phí phải trả gồm các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4.9 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông/thành viên/chủ sở hữu.

Thặng dư vốn Cổ phần

Thặng dư vốn Cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn Cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn Cổ phần".

4.10 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và có thông báo chi trả cổ tức.

4.11 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên theo thông báo lãi của ngân hàng, vào thời điểm ngân hàng chuyển tiền vào tài khoản của Công ty.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Khi kết quả hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được khách hàng xác nhận trong năm thông qua các bảng tổng hợp khối lượng công việc hoàn thành. Các khoản tăng giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng và các khoản thanh toán khác chỉ được tính vào doanh thu khi đã thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong năm khi các chi phí này đã phát sinh.

Nếu doanh nghiệp có hợp đồng có rủi ro lớn, thì nghĩa vụ nợ hiện tại theo hợp đồng phải được ghi nhận và đánh giá như một khoản dự phòng. Hợp đồng có rủi ro lớn là hợp đồng mà trong đó chi phí bắt buộc phải trả cho các nghĩa vụ liên quan đến hợp đồng vượt quá lợi ích kinh tế dự tính thu được từ hợp đồng đó.

4.12 Giá vốn

Phản ánh giá trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong năm.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng hóa tồn kho và phân chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho.

Đối với phần giá trị hàng tồn kho mất mát, hao hụt, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có)).

Chi phí của hợp đồng xây dựng

Chi phí của hợp đồng xây dựng bao gồm:

Chi phí liên quan trực tiếp đến từng hợp đồng bao gồm: Chi phí nhân công tại công trường; Chi phí nguyên liệu, vật liệu, bao gồm cả thiết bị cho công trình; Khấu hao máy móc, thiết bị và các TSCĐ khác sử dụng để thực hiện hợp đồng; Chi phí vận chuyển, lắp đặt, tháo dỡ máy móc, thiết bị và nguyên liệu, vật liệu đến và đi khỏi công trình; Chi phí thuê nhà xưởng, máy móc, thiết bị để thực hiện hợp đồng; Chi phí thiết kế và trợ giúp kỹ thuật liên quan trực tiếp đến hợp đồng; Chi phí dự tính để sửa chữa và bảo hành công trình; Các chi phí liên quan trực tiếp khác. (Chi phí liên quan trực tiếp của từng hợp đồng sẽ được giảm khi có các khoản thu nhập khác không bao gồm trong doanh thu của hợp đồng. Ví dụ: Các khoản thu từ việc bán nguyên liệu, vật liệu thừa, thu thanh lý máy móc, thiết bị thi công khi kết thúc hợp đồng.)

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Chi phí chung liên quan đến hoạt động của các hợp đồng xây dựng và có thể phân bổ cho từng hợp đồng, bao gồm: Chi phí bảo hiểm; Chi phí thiết kế và trợ giúp kỹ thuật không liên quan trực tiếp đến một hợp đồng cụ thể; Chi phí quản lý chung trong xây dựng.

Các chi phí trên được phân bổ theo các phương pháp thích hợp một cách có hệ thống theo tỷ lệ hợp lý và được áp dụng thống nhất cho tất cả các chi phí có các đặc điểm tương tự. Việc phân bổ cần dựa trên mức thông thường của hoạt động xây dựng.

4.13 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm: Chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp; bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, dụng cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác.

Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm giảm số lỗ được chuyển khi tính thuế TNDN.

4.14 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay phát sinh tại Công ty bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp.

Chi phí đi vay phát sinh trong năm được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

4.15 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành;

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp;

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

4.16 Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả phải nộp khác và các khoản vay ngắn hạn, dài hạn.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ cho nhau trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận và Công ty có dự định thanh toán trên cơ sở thuận hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

4.17 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán riêng**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	286.182.751	107.404.549
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	244.902.386	7.387.666.386
Cộng	511.085.147	7.495.070.935

5.2 Phải thu khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	203.164.938.161	196.689.162.615
- Công ty Cổ phần Thương Mại Thái Giang	9.461.416.642	-
- Công ty Cổ phần Cơ khí và lắp máy Việt Nam	15.232.553.923	13.811.955.938
- Công ty TNHH Dịch vụ Hàng Hải và tư vấn Đông Nam á	11.998.288.400	6.787.820.400
- Công ty TNHH Xây dựng công nghiệp Olympia	7.281.731.275	8.976.739.034
- Công ty TNHH Đầu tư xây dựng UNICONS	65.412.786.370	-
- Công ty Cổ phần Thương mại quốc tế Đức Phát	-	58.907.655.103
- Khách hàng khác	103.778.161.551	108.204.992.140
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	-	-
Cộng	203.164.938.161	196.689.162.615

5.3 Trả trước cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn	41.891.217.800	24.730.800.157
- Công ty cổ phần máy và thiết bị Việt Hải	10.000.000.000	-
- Công ty cổ phần VHIM	16.258.917.940	10.124.841.257
- Khách hàng khác	15.632.299.860	14.605.958.900
Trả trước cho người bán là các bên liên quan	-	-
Cộng	41.891.217.800	24.730.800.157

5.4 Các khoản phải thu khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	53.783.732.473	-	49.010.527.753	-
- Kỳ cược, kỳ quỹ	2.599.630.755	-	2.297.017.478	-
- Phải thu khác	15.795.964.973	-	7.001.203.034	-
- Tạm ứng	35.388.136.745	-	39.712.307.241	-
Dài hạn	2.487.974.965	-	2.516.064.507	-
- Kỳ cược, kỳ quỹ	2.487.974.965	-	2.516.064.507	-
Cộng	56.271.707.438	-	51.526.592.260	-

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.5 Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Nguyên liệu, vật liệu	30.833.912.010	-	32.365.024.384	-
- Công cụ, dụng cụ	667.980.818	-	676.452.683	-
- Chi phí SXKD dở dang	170.423.652.747	-	166.435.103.568	-
Cộng	201.925.545.575	-	219.476.580.635	-

5.6 Nợ xấu

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn VND	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn VND
Phải thu khách hàng	6.856.439.190	-	-	6.856.439.190	-	-
Constrexim - CT Cảng Cái Lân	27.826.530	-	>3 năm	27.826.530	-	>3 năm
Công ty Dệt kim Hải Phòng	71.340.916	-	>3 năm	71.340.916	-	>3 năm
Nhà máy thức ăn gia súc Thái Bình	18.194.000	-	>3 năm	18.194.000	-	>3 năm
Constrexim - Khu phụ trợ XMHP mới	146.166.157	-	>3 năm	146.166.157	-	>3 năm
BQLDA Cột phát sóng ăng ten Cát Bà	12.000.000	-	>3 năm	12.000.000	-	>3 năm
Ông Hoàng Thế Bách - Nhượng máy tiện	13.815.000	-	>3 năm	13.815.000	-	>3 năm
Công ty Cổ phần Dệt may Xuất khẩu Hải Phòng	3.530.030.467	-	>3 năm	3.530.030.467	-	>3 năm
Công ty xuất nhập khẩu điện khí Thượng Hải	3.028.418.120	-	>3 năm	3.028.418.120	-	>3 năm
Khách hàng khác	8.648.000	-	>3 năm	8.648.000	-	>3 năm
Tổng cộng	6.856.439.190	-	-	6.856.439.190	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

5.7 Chi phí trả trước

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ngắn hạn	132.331.387	146.419.476
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	7.361.944	12.097.222
- Chi phí bảo hiểm	124.969.443	134.322.254
Dài hạn	5.039.630.674	5.425.670.015
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn	103.602.875	231.847.845
- Chi phí sửa chữa TSCĐ	110.687.059	253.326.148
- Giá trị quyền sử dụng đất tại An Lão	4.799.364.213	4.917.976.317
- Các khoản khác	25.976.527	22.519.705
Cộng	5.171.962.061	5.572.089.491

5.8 Tài sản cố định vô hình

	TSCĐ vô hình khác VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Số đầu năm	1.881.110.846	1.881.110.846
- Mua trong năm	-	-
Số cuối năm	<u>1.881.110.846</u>	<u>1.881.110.846</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN		
Số đầu năm	975.122.637	975.122.637
- Khấu hao trong năm	94.537.896	94.537.896
Số cuối năm	<u>1.069.660.533</u>	<u>1.069.660.533</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Số đầu năm	<u>905.988.209</u>	<u>905.988.209</u>
Số cuối năm	<u>811.450.313</u>	<u>811.450.313</u>

Nguyên giá tài sản cố định vô hình hết khấu hao vẫn còn đang sử dụng tại ngày 31/12/2021 là: 935.731.847 VND (Tại ngày 31/12/2020 là: 935.731.847 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.9 Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Số đầu năm	90.797.357,024	57.916.439,588	32.146.044,352	536.385.039	181.396.226,003
- Mua trong năm	-	212.000,000	-	-	212.000,000
- Thanh lý, nhượng bán	-	(865.714,287)	(791.307,647)	-	(1.657.021,934)
Số cuối năm	90.797.357,024	57.262.725,301	31.354.736,705	536.385,039	179.951.204,069
HAO MÒN LŨY KẾ					
Số đầu năm	32.731.134,057	32.930.068,417	30.005,116,723	390.003,354	96.056.342,551
- Khấu hao trong năm	4.543.025,743	3.577.771,796	503.384,502	37.165,917	8.661.347,958
- Thanh lý, nhượng bán	-	(808.514,287)	(791.307,647)	-	(1.599,821,934)
Số cuối năm	37.274.159,800	35.699.345,926	29.717,193,578	427.169,271	103.117.868,575
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số đầu năm	58.066.222,967	24.986.351,171	2.140.927,629	146.381,685	85.339.883,452
Số cuối năm	53.523.197,224	21.563.379,375	1.637.543,127	109.215,768	76.833.335,494

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hết khấu hao vẫn còn đang sử dụng tại ngày 31/12/2021 là: 52.985.559,524 VND (Tại ngày 31/12/2020 là: 47.832.698,532 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.10 Tài sản cố định thuê tài chính

	Phương tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số đầu năm	2.730.545.455	4.003.864.564	6.734.410.019
Số cuối năm	<u>2.730.545.455</u>	<u>4.003.864.564</u>	<u>6.734.410.019</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN			
Số đầu năm	606.268.902	313.682.837	919.951.739
- Khấu hao trong năm	1.385.272.724	837.342.276	2.202.615.000
Số cuối năm	<u>1.971.541.626</u>	<u>1.151.025.113</u>	<u>3.122.566.739</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số đầu năm	<u>2.124.276.553</u>	<u>4.317.547.401</u>	<u>6.814.458.280</u>
Số cuối năm	<u>759.003.829</u>	<u>2.852.839.451</u>	<u>3.611.843.280</u>

5.11 Tài sản dở dang

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Xây dựng cơ bản dở dang	-	-
Dự án đầu tư nâng cao năng lực - Công ty năm 2018	3.006.512.568	2.969.839.848
Dự án đầu tư nâng cao năng lực - Công ty năm 2019	1.560.472.163	1.546.172.163
Dự án đầu tư nâng cao năng lực - Công ty năm 2020	683.059.070	134.174.702
Cộng	<u>5.250.043.801</u>	<u>4.670.186.713</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.12 Đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	-	1.020.000.000	-
- Đầu tư vào công ty con	-	(i)	1.020.000.000	(i)
Cộng	-	-	1.020.000.000	-

(i) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá trị niêm yết do có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý. Ngày 01/10/2021 Công ty thoai toán bộ vốn lại Công ty Cổ phần Dịch vụ sửa chữa Lilama 69-2 theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 115/NQ-HĐQT 2021 ngày 30/09/2021.

5.13 Phải trả người bán

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	98.419.532.970	98.419.532.970	140.150.459.428	140.150.459.428
- Công ty Cổ phần Phát triển Công nghiệp Hoàng Dương	8.295.809.881	8.295.809.881	8.295.809.881	8.295.809.881
- Công ty Cổ phần Tập Đoàn IPC	7.358.714.653	7.358.714.653	7.358.714.653	7.358.714.653
- Công ty Cổ phần Việt Nhật JPMWAY	5.689.360.000	5.689.360.000	-	-
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và xây dựng Bạch Đằng (Bimexco)	7.202.044.891	7.202.044.891	7.202.044.891	7.202.044.891
- Công ty Cổ phần Xây dựng và thương mại Tam Long	12.896.536.927	12.896.536.927	-	-
- Tổng công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP	6.064.885.800	6.064.885.800	-	-
- Công ty Cổ phần Matexim Hải Phòng	4.518.285.321	4.518.285.321	58.828.567.105	58.828.567.105
- Phải trả khác	45.393.695.497	45.393.695.497	58.465.322.898	58.465.322.898
Các khoản phải trả người bán là các bên liên quan	-	-	-	-
Cộng	98.419.532.970	98.419.532.970	140.150.459.428	140.150.459.428

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.14 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số cuối năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số đầu năm
	VND	VND	VND	VND
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	10.036.100.286	4.715.346.904	698.693.345	6.019.446.727
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	265.104.374	-	-	265.104.374
- Thuế thu nhập cá nhân	93.680.450	93.680.450	-	-
- Thuế nhà đất, tiền thuế đất	978.079.300	513.028.300	-	465.051.000
- Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	11.372.964.410	5.325.055.654	701.693.345	6.749.602.101

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.15 Người mua trả tiền trước

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	49.728.912.911	41.471.199.171
- Công ty Cổ phần Shinec	2.151.526.177	-
- Công ty TNHH MTV Kinh doanh Thương mại	3.585.244.961	-
- Công ty TNHH đầu tư phát triển Nam Thuận	14.000.000.000	14.000.000.000
- Thyssenkrupp Industrial Solutions	3.029.935.618	-
- Công ty Cổ phần xi măng Cẩm Phả	1.892.313.119	1.892.313.119
- Công ty TNHH cơ khí Việt Nhật	-	3.283.602.821
- Tenova S.P.A	-	3.649.914.450
- Khách hàng khác	25.069.893.038	18.645.368.781
Người mua trả tiền trước là các bên liên quan	-	-
Cộng	49.728.912.911	41.471.199.171

5.16 Chi phí phải trả

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn	10.963.207.062	14.395.179.892
- Trích trước chi phí công trình	10.879.207.192	14.268.047.245
- Trích trước lãi vay phải trả	83.999.870	127.132.647
b. Dài hạn	-	-
Cộng	10.963.207.062	14.395.179.892

5.17 Các khoản phải trả, phải nộp khác

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn	27.548.677.895	20.679.131.757
- Kinh phí công đoàn	3.171.126.448	2.859.844.742
- Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế	8.933.787.901	7.419.287.626
- Bảo hiểm thất nghiệp	787.934.861	654.749.273
- Các khoản phải trả, phải nộp khác:	14.655.828.687	9.745.250.116
+ Đoàn phí công đoàn	1.156.298.021	1.249.543.478
+ Công ty CP Dịch vụ sửa chữa Lilama 69-2	4.887.246.804	4.887.246.804
+ Phải trả đối tượng khác	6.812.283.862	3.808.459.834
b. Dài hạn	-	-
Cộng	27.548.677.895	20.679.131.757

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.18 Vay và nợ thuế tài chính

TT	Nội dung	Giá trị	Số cuối năm		Trong năm		Giá trị	Số đầu năm	
			Số có khả năng trả nợ	trả nợ	Tăng	Giảm		Số có khả năng trả nợ	trả nợ
a)	Vay ngắn hạn	280.217.190.896	280.217.190.896	82.418.731.425	54.255.308.165	252.053.767.636	252.053.767.636	252.053.767.636	195.132.746.824
-	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - CN Hải Phòng ⁽¹⁾	239.468.106.129	239.468.106.129	50.418.561.365	6.083.202.060	195.132.746.824	195.132.746.824	195.132.746.824	195.132.746.824
-	Ngân hàng TMCP quân đội ⁽²⁾	29.090.461.771	29.090.461.771	7.774.475.073	18.088.170.266	39.404.156.964	39.404.156.964	39.404.156.964	39.404.156.964
-	Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh ⁽³⁾	7.858.622.996	7.858.622.996	24.125.694.987	27.163.935.839	10.896.863.848	10.896.863.848	10.896.863.848	10.896.863.848
-	Vay cá nhân	3.800.000.000	3.800.000.000	100.000.000	2.920.000.000	6.620.000.000	6.620.000.000	6.620.000.000	6.620.000.000
b)	Vay dài hạn	1.860.757.820	1.860.757.820	-	4.541.372.165	6.402.129.985	6.402.129.985	6.402.129.985	3.085.185.214
-	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - CN Hải Phòng	1.860.757.820	1.860.757.820	-	3.085.185.214	3.085.185.214	3.085.185.214	3.085.185.214	3.085.185.214
-	Ngân hàng TMCP quân đội - CN Hải Phòng ⁽⁴⁾	1.860.757.820	1.860.757.820	-	1.456.186.951	3.316.944.771	3.316.944.771	3.316.944.771	3.316.944.771
c)	Thuế tài chính	1.218.258.944	1.218.258.944	-	2.440.820.128	3.659.079.072	3.659.079.072	3.659.079.072	3.659.079.072
-	Công ty cho thuê TC TNHH MTV Quốc tế Chaillese - CN Hà Nội ⁽⁵⁾	1.218.258.944	1.218.258.944	-	2.440.820.128	3.659.079.072	3.659.079.072	3.659.079.072	3.659.079.072
Cộng		283.296.207.660	283.296.207.660	82.418.731.425	61.237.500.458	262.114.976.693	262.114.976.693	262.114.976.693	195.023.659

Thời hạn	Năm nay		Năm trước	
	Tổng khoản thanh toán tiền TTC	Trả tiền lãi thuế	Tổng khoản thanh toán tiền TTC	Trả tiền lãi thuế
- Trên 1 đến 5 năm	2.659.809.898	218.989.770	1.224.474.055	195.023.659
			2.440.820.128	1.029.450.396

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.18 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp)

⁽¹⁾ Vay Ngân hàng SHB chi nhánh Hải Phòng theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 520/2021/HDHM-PN/SHB 110400 ngày 29/12/2021, thời hạn vay tối đa là 12 tháng, hạn mức vay tối đa là 250 tỷ đồng. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh thanh toán, mở L/C phục vụ hoạt động kinh doanh chế tạo kết cấu, lắp đặt thiết bị, chế tạo lắp máy, sản xuất và kinh doanh thiết bị lọc tinh điện, lãi suất vay theo từng khế ước nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản quy định trong hợp đồng thế chấp.

⁽²⁾ Vay Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Hải Phòng theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 31600.20.257.1339407.TD ngày 03/07/2020, thời hạn 12 tháng, hạn mức tín dụng là 50 tỷ đồng. Mục đích vay để tài trợ vốn lưu động phục vụ hoạt động thi công xây lắp công trình và sản xuất thiết bị lọc bụi tinh điện của khách hàng, lãi suất vay theo từng khế ước nhận nợ.

⁽³⁾ Vay Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh – Chi nhánh Hải Phòng theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 25673/21MB/HĐTĐ ký ngày 13/12/2021, thời hạn 12 tháng, hạn mức tín dụng là 10 tỷ đồng. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động, phát hành LC, phát hành bảo lãnh để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, lãi suất theo từng khế ước nhận nợ cụ thể.

⁽⁴⁾ Vay Ngân hàng TMCP Quân đội – CN Hải Phòng theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng tín dụng số 18791.18.257.1339407.TD ngày 03/07/2018, hạn mức cho vay 10,5 tỷ đồng, thời hạn vay là 48 tháng, lãi suất thả nổi. Mục đích vay để phục vụ đầu tư nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh năm 2018 của công ty. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản hình thành từ nguồn vốn vay.

- Hợp đồng tín dụng số 27577.19.257.1339407.TD ngày 19/07/2019, hạn mức cho vay 2,471 tỷ đồng, thời hạn vay là 48 tháng, lãi suất thả nổi. Mục đích vay để đầu tư thiết bị công trưc và cần trưc. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản hình thành từ nguồn vốn vay.

- Hợp đồng tín dụng số 33837.19.257.1339407.TD ngày 11/09/2019, hạn mức cho vay 10,29 tỷ đồng, thời hạn vay là 48 tháng, lãi suất thả nổi. Mục đích vay để đầu tư năng lực sản xuất công ty năm 2019. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản hình thành từ nguồn vốn vay.

⁽⁵⁾ Thuê tài chính của Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Challease – Chi nhánh Hà Nội theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng thuê tài chính số C200634215 ngày 15/07/2020, thời hạn 24 tháng, số tiền gốc tính cho thuê 2.304.692.000 đồng. Mục đích: phục vụ sản xuất kinh doanh. Lãi suất: bằng lãi trung bình của lãi suất tiền gửi áp dụng cho khách hàng cá nhân có kỳ hạn 13 tháng, lãi nhận cuối kỳ cộng biên độ 3%.

- Hợp đồng thuê tài chính số C200818012 ngày 26/08/2020, thời hạn 24 tháng, số tiền gốc tính cho thuê 2.201.437.481 đồng. Mục đích: phục vụ sản xuất kinh doanh. Lãi suất: bằng lãi trung bình của lãi suất tiền gửi áp dụng cho khách hàng cá nhân có kỳ hạn 13 tháng, lãi nhận cuối kỳ cộng biên độ 3%.

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.19	Vốn chủ sở hữu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc VCSH	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
		VND	VND					
5.19.1	Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu							
	Khoản mục							
	01/01/2020	82.982.430.000	36.462.273	19.854.216.596	3.333.125.863	2.458.293.152	108.664.527.884	
	Tăng trong năm trước	-	-	-	-	612.510.538	612.510.538	
	- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	612.510.538	612.510.538	
	Giảm trong năm trước	-	-	-	-	(138.713)	(138.713)	
	- Giảm khác	-	-	-	-	(138.713)	(138.713)	
	31/12/2020	82.982.430.000	36.462.273	19.854.216.596	3.333.125.863	3.070.684.977	109.276.899.709	
	01/01/2021	82.982.430.000	36.462.273	19.854.216.596	3.333.125.863	3.070.684.977	109.276.899.709	
	Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	
	Giảm trong năm nay	-	-	-	-	(3.608.071.451)	(3.608.071.451)	
	- Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	(3.077.331.451)	(3.077.331.451)	
	- Chia cổ tức bằng tiền (1)	-	-	-	-	(530.740.000)	(530.740.000)	
	31/12/2021	82.982.430.000	36.462.273	19.854.216.596	3.333.125.863	(537.406.474)	105.668.828.258	

(1) Công ty thực hiện chia cổ tức năm 2019 bằng tiền mặt theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 72/NQ-HDQT/2021 ngày 07/06/2021.

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.19.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Cổ đông	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
- Công ty CP Đầu tư công nghiệp nặng Việt Hải	11.046.580.000	11.046.580.000
- Nguyễn Xuân Kỳ	11.903.700.000	11.903.700.000
- Trần Xuân Trường	6.549.830.000	6.549.830.000
- Hoàng Sĩ Khang	6.985.290.000	6.985.290.000
- Vũ Khắc Nhiệm	6.985.290.000	6.985.290.000
- Hoàng Trung Kiên	5.198.350.000	5.198.350.000
- Vốn góp của cổ đông khác	34.313.410.000	34.313.410.000
Cộng	82.982.430.000	82.982.430.000

5.19.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối, cổ tức, lợi nhuận

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	82.982.430.000	82.982.430.000
+ Vốn góp đầu kỳ	82.982.430.000	82.982.430.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	82.982.430.000	82.982.430.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	530.740.000	-

5.19.4 Cổ phiếu

	Số cuối năm CP	Số đầu năm CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.298.243	8.298.243
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.298.243	8.298.243
+ Cổ phiếu phổ thông	8.298.243	8.298.243
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.298.243	8.298.243
+ Cổ phiếu phổ thông	8.298.243	8.298.243
<i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Doanh thu hoạt động xây lắp	201.487.657.136	313.216.527.215
Cộng	201.487.657.136	313.216.527.215

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Giá vốn hoạt động xây lắp	170.295.427.507	270.220.256.810
Cộng	170.295.427.507	270.220.256.810

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	24.588.574	35.842.895
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.640.000	18.828.235
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	1.112.985
Cộng	27.228.574	55.784.115

6.4 Chi phí tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Chi phí lãi vay	27.452.667.984	28.053.339.734
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	130.502.346	42.361.229
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	164.815.288	-
Cộng	27.747.985.618	28.095.700.963

6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Chi phí nhân viên quản lý	6.297.506.189	10.031.579.516
- Chi phí vật liệu quản lý	3.054.000	7.118.748
- Chi phí đồ dùng văn phòng	207.828.587	248.019.154
- Chi phí khấu hao TSCĐ	872.155.881	789.089.384
- Chi phí thuế, phí và lệ phí	474.761.000	538.271.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	693.570.249	1.151.485.440
- Chi phí bằng tiền khác	914.900.088	1.679.286.351
Cộng	9.463.775.954	14.444.849.593

6.6 Thu nhập khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	637.800.000	2.113.662.098
- Tiền bồi thường bảo hiểm	2.357.133.096	-
- Các khoản khác	24.633.967	641.490.468
	3.019.567.063	2.755.152.566

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 28 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

6.7 Chi phí khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Phạt vi phạm hợp đồng	37.108.140	-
- Các khoản bị phạt hành chính	20.387.000	137.500.000
- Các khoản chi phí khác	47.100.005	2.319.730.205
	104.595.145	2.457.230.205

6.8. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(3.077.331.451)	809.426.325
Các khoản chi phí không được khấu trừ	259.358.097	175.152.612
- Các khoản chi phí không hợp lý	-	-
- Các khoản chi phí (phạt)	137.500.000	137.500.000
- Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối năm	121.858.097	37.652.612
Trừ các khoản thu nhập không chịu thuế	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	(2.817.973.354)	984.578.937
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	196.915.787

6.9 Lãi cơ bản/lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	(3.077.331.451)	612.510.538
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	8.298.243	8.298.243
Số cổ phiếu dự kiến phát hành (CP)	-	-
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu (VND/CP)	(371)	74

6.10 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Chi phí nguyên vật liệu	102.833.502.264	159.145.684.854
- Chi phí nhân công	28.279.042.720	39.530.471.694
- Khấu hao tài sản cố định	10.868.500.854	10.088.425.448
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	50.174.929.087	77.991.219.112
- Chi phí bằng tiền khác	3.424.879.357	2.035.018.289
Cộng	195.570.654.282	288.790.819.397

6.11 Công cụ tài chính**Quản lí rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty vừa có thể hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các Công ty thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ đã trình bày tại Bảng cân đối kế toán, phần vốn thuộc sở hữu của Công ty bao gồm vốn góp và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu được trình bày tại Thuyết minh số 4.16.

Các loại công cụ tài chính

	Số cuối năm VND	Giá trị ghi số Số đầu năm VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	511.085.147	7.495.070.935
Phải thu khách hàng và phải thu khác	259.436.645.599	248.215.754.875
Đầu tư dài hạn	-	1.020.000.000
Cộng	259.947.730.746	256.730.825.810
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	283.296.207.660	262.114.976.693
Phải trả người bán và phải trả khác	113.075.361.657	149.895.709.544
Chi phí phải trả	10.963.207.062	14.395.179.692
Cộng	407.334.776.379	426.405.866.129
Trạng thái ròng	(147.387.045.633)	(169.675.040.319)

Tại ngày 31/12/2021 Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và Nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc này. Thông tư số 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và Thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và vận hành các chính sách nhằm kiểm soát rủi ro (phát hiện, ngăn ngừa và hạn chế ảnh hưởng của các rủi ro).

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá, lãi suất, giá hàng hóa và giá khác như giá cổ phiếu. Mục tiêu của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát mức độ rủi ro trong giới hạn chấp nhận được trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận.

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó.

Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn nhằm đáp ứng các quy định về tình thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các khoản nợ phải trả tài chính theo thời hạn thanh toán. Số liệu trình bày trên cơ sở dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	<u>Dưới 1 năm</u> VND	<u>Từ 1-5 năm</u> VND	<u>Tổng</u> VND
Số cuối năm			
Vay và nợ thuê tài chính	280.217.190.896	3.079.016.764	283.296.207.660
Phải trả người bán và phải trả khác	113.075.361.657	-	113.075.361.657
Chi phí phải trả	10.963.207.062	-	10.963.207.062
Cộng	<u>404.255.759.615</u>	<u>3.079.016.764</u>	<u>407.334.776.379</u>
Số đầu năm			
Vay và nợ thuê tài chính	252.053.767.638	10.061.209.057	262.114.976.693
Phải trả người bán và phải trả khác	149.895.709.544	-	149.895.709.544
Chi phí phải trả	14.395.179.892	-	14.395.179.892
Cộng	<u>416.344.657.072</u>	<u>10.061.209.057</u>	<u>426.405.866.129</u>

Bảng sau đây trình bày chi tiết tài sản tài chính theo mức đáo hạn. Số liệu được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu.

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
Số cuối năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	511.085.147	-	511.085.147
Phải thu khách hàng và phải thu khác	256.948.670.634	2.487.974.965	259.436.645.599
Đầu tư dài hạn	-	-	-
Cộng	257.459.755.781	2.487.974.965	259.947.730.746
Số đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.495.070.935	-	7.495.070.935
Phải thu khách hàng và phải thu khác	245.699.690.368	2.516.064.507	248.215.754.875
Đầu tư dài hạn	-	1.020.000.000	1.020.000.000
Cộng	253.194.761.303	3.536.064.507	256.730.825.810

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

6.12 Báo cáo bộ phận*Báo cáo bộ phận chính yếu: Theo lĩnh vực kinh doanh*

	Hoạt động xây lắp	Hoạt động khác	Tổng cộng toàn DN
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	201.487.657.136	-	201.487.657.136
Khấu hao và chi phí phân bổ	10.958.500.854	-	10.958.500.854
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(3.077.331.451)	-	(3.077.331.451)
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ	258.207.000	-	258.207.000
Tài sản bộ phận	588.586.689.880	-	588.586.689.880
Tổng tài sản	588.586.689.880	-	588.586.689.880
Nợ phải trả bộ phận	482.917.861.622	-	482.917.861.622
Tổng nợ phải trả	482.917.861.622	-	482.917.861.622

Báo cáo bộ phận thứ yếu: Theo lĩnh vực địa lý

	Miền Bắc	Miền Nam, Miền Trung, Tây Nguyên	Tổng cộng toàn DN
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	201.487.657.136	-	201.487.657.136
Tài sản bộ phận	588.586.689.880	-	588.586.689.880
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ	258.207.000	-	258.207.000

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

6.13 Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ngoại tệ các loại		
- USD	655,93	713,48
- EUR	6,59	101,69

7 Thông tin khác**7.1 Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

7.2 Thông tin về các bên liên quan

Giao dịch với thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan đến thành viên quản lý chủ chốt:

Các thành viên quản lý chủ chốt bao gồm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc và Kế toán trưởng. Các cá nhân có liên quan đến thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt trong năm 2021 như sau:

		Lương VND	Thù lao VND
Thu nhập của ban Tổng Giám đốc, HĐQT, KTT		1.711.746.000	259.443.000
Vũ Kế Chương	Chủ tịch HĐQT - Tổng Giám đốc	253.348.000	40.500.000
Trần Xuân Trường	Thành viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc	184.099.000	40.500.000
Lê Thị Minh	Thành viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc	220.486.000	40.500.000
Trương Đức Thành	Thành viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc	224.086.000	40.500.000
Vũ Xuân Dũng	Thành viên HĐQT	-	40.500.000
Vũ Thị Ngà	Kiểm soát viên	-	26.973.000
Nguyễn Trung Hiếu	Kiểm soát viên, trợ lý TGD	156.437.000	29.970.000
Nguyễn Quang Vinh	Phó Tổng Giám đốc	210.679.000	-
Nguyễn Giám Hiệu	Phó Tổng Giám đốc	224.086.000	-
Trần Thị Hương	Kế toán trưởng	238.525.000	-

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính, ngoài các khoản phải trả khác với các bên liên quan như đã trình bày ở thuyết minh số 5, Công ty không còn khoản công nợ nào với các bên liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-2

Địa chỉ: Số 26 Tân Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

7.3 Thông tin so sánh

Số liệu so sánh đầu năm trên Bảng cân đối kế toán riêng, số liệu so sánh năm trước trên Báo cáo kết quả kinh doanh riêng và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lấy từ số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh phía Bắc.



Vũ Kế Chương
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 28 tháng 3 năm 2022

Trần Thị Hương
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Đạt
Người lập